TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST
Ngày: 16/7/2025
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Như Lữ.

2. Ông Lường Văn Dũng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Công Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Điện Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 2 – Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2025/TLST-KDTM ngày 09/04/2025, về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần T. Trụ sở chính tại: tổ 1, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Yên Bái (Nay là thôn 1, xã T, tỉnh Lào Cai)

Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Văn Q; Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài L – sinh năm 1978. Trú tại: Tổ 8, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. (Nay là tổ 8, Phường V, tỉnh Lào Cai). Theo văn bản ủy quyền số 647/UQ-TĐTB ngày 03/4/2025 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần T. Có mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần S, Điện Biên. Trụ sở chính tại: bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Nay là bản N, xã M, tỉnh Điện Biên)

Người đại diện pháp luật: Ông Lương Xuân H, sinh năm: 1976. Là Giám đốc công ty. Địa chỉ: Số nhà 227, đường L, tổ dân phố M, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (Nay số nhà 227, đường L, tổ dân phố M, phường Phủ Lý, tỉnh Ninh

Bình). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện:

Nguyên đơn là Công ty cổ phần T và bị đơn là Công ty cổ phần S, Điện Biên cùng nhau kí kết Hợp đồng dịch vụ số 072021/HĐDV-ML1-TĐTB, ngày 22/07/2021 về việc "*Đào tạo nhân lực quản lý vận hành, biên soạn hệ thống quy trình vận hành và xử lý sự cố Nhà máy Thủy điện Mường Luân 1*" (sau đây viết tắt là Hợp đồng số 072021) với tổng giá trị sau thuế VAT của hợp đồng là: 841.141.590 đồng. Công ty cổ phần T đã thực hiện đầy đủ, toàn bộ các công việc theo hợp đồng.

Ngày 07/11/2022, Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần S, Điện Biên đã cùng nhau ký kết hồ sơ nghiệm thu, thanh toán hợp đồng, theo đó:

- Giá trị quyết toán của hợp đồng: 841.141.590 đồng

- Trừ đi giá trị Công ty cổ phần S, Điện Biên đã tạm ứng: 294.399.556 đồng

- Giá trị còn lại Công ty cổ phần S, Điện Biên phải thanh toán: 546.742.034 đồng, thời hạn thanh toán vào ngày 17/11/2022.

Tuy nhiên, đến ngày 29/12/2023 Công ty cổ phần S,Điện Biên mới thực hiện thanh toán cho Công ty cổ phần T số tiền là: 100.000.000 đồng. Đối với số công nợ còn lại là: 446.742.034 đồng Công ty cổ phần T đã rất nhiều lần có văn bản yêu cầu Công ty cổ phần S, Điện Biên thanh toán, nhưng công ty cổ phần S, Điện Biên chưa thanh toán cho Công ty cổ phần T.

Vì vậy, Công ty cổ phần T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Điện Biên) buộc Công ty cổ phần S, Điện Biên phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần T như sau:

- Trả số tiền dư nợ gốc là: 446.742.034 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm ba mươi tư đồng).*

- Buộc trả số tiền phạt vi phạm tiến độ thanh toán theo quy định tại Điều 10 của Hợp đồng dịch vụ số 072021, ngày 22/7/2021. Cụ thể:

+ Ngày bên công ty S, Điện Biên có nghĩa vụ thanh toán theo quy định của hợp đồng là: 17/11/2022.

+ Số tiền bên Công ty S, Điện Biên có nghĩa vụ thanh toán: 546.742.034 đ.

+ Số tiền phạt: theo thỏa thuận tối đa 8%: 546.742.034 x 8% = 43.739.363 đ. *(Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi ba đồng).*

- Buộc trả tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật, đề nghị mức lãi chậm trả là 13,5% (150% lãi suất nợ trong hạn, lãi suất nợ trong hạn TBC tạm tính 09%/năm).

Cụ thể:

+ ***Giai đoạn 1***: từ ngày 17/11/2022 đến 29/12/2023 (ngày bên SCI thanh toán 100.000.000 đồng):

Số tiền bên SCI có nghĩa vụ thanh toán: 546.742.034 đ.

Số ngày chậm thanh toán: 407 ngày.

Số tiền chậm trả: 546.742.034 x13,5%/365x407) = 82.303.400 đ.

+ *Giai đoạn 2*: từ ngày 29/12/2023 (ngày bên SCI thanh toán 100.000.000 đồng) tạm tính đến ngày xét xử 16/7/2025:

Số tiền bên SCI có nghĩa vụ thanh toán: 446.742.034 đ.

Số ngày chậm thanh toán: 565 ngày.

446.742.034 x 13,5%/365 x 565) = 93.356.564đ

Tổng số tiền lãi chậm trả là: 175.660.246đ

Tổng cộng gốc, tiền phạt và lãi: Công ty cổ phần S, Điện Biên phải trả cho Công ty cổ phần T tính đến ngày xét xử là: 666.141.643 đồng. Số tiền trên phải trả ngay khi bản án có hiệu lực.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn là Công ty cổ phần S, Điện Biên không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, thông báo thay đổi địa điểm mở lại phiên tòa, tại phiên tòa ngày 16/7/2025 ông Lương Xuân Hiền đại diện theo pháp luật bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong hồ sơ có duy nhất một bản tự khai ngày 26/5/2025, ông Hiền xác nhận còn nợ số tiền gốc là 446.742.034 và hẹn đến ngày 30/10/2025 sẽ trả do điều kiện kinh doanh công ty đang gặp khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ (nay là Viện kiểm sát khu vực 2), tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định mở phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự; thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng vắng mặt lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ chưa thanh toán, tiền phạt và lãi chậm trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân

sự sơ thẩm giá ngạch theo quy định của pháp luật và trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và các ý kiến của đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét sự vắng mặt của đại diện theo pháp luật của bị đơn tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn khi ký hợp đồng Hợp đồng dịch vụ số 072021/HĐDV-ML1-TĐTB, ngày 22/07/2021 về việc "*Đào tạo nhân lực quản lý vận hành, biên soạn hệ thống quy trình vận hành và xử lý sự cố Nhà máy Thủy điện Mường Luân 1*". Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tống đạt các văn bản tố tụng trong đó có quyết định mở phiên tòa ngày 10/6/2025 và quyết định Hoãn phiên tòa ngày 27/6/2025 cho đại diện bị đơn, tại phiên tòa hôm nay đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Về quan hệ tranh chấp: Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần S, Điện Biên là những doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, đều có mục đích lợi nhuận khi kí kết Hợp đồng dịch vụ số 072021/HĐDV-ML1-TĐTB, ngày 22/07/2021 về việc "*Đào tạo nhân lực quản lý vận hành, biên soạn hệ thống quy trình vận hành và xử lý sự cố Nhà máy Thủy điện Mường Luân 1*. Quá trình thực hiện hợp đồng phát sinh tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Cho nên, căn cứ khoản 9 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty cổ phần S, Điện Biên có trụ sở tại bản T, xã M, huyện Đ (nay là bản T, xã M, tỉnh Điện Biên). Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Điện Biên.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Nguyên đơn căn cứ Hợp đồng dịch vụ số 072021/HĐDV-ML1-TĐTB, ngày 22/07/2021 về việc "*Đào tạo nhân lực quản lý vận hành, biên soạn hệ thống quy trình vận hành và xử lý sự cố Nhà máy Thủy điện Mường Luân 1,* hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, lập ngày 07/11/2022; Bản sao Biên bản xác nhận công nợ tại thời điểm 31/12/2024 (Kiểm toán KROIZE - ngày 15/01/2025); Bản sao Biên bản xác nhận công nợ tại thời điểm 31/12/2024 (Kiểm toán E&Y - ngày 06/01/2025);

Chứng từ S thanh toán 100.000.000 đồng ngày 29/12/2023. Để xác định số tiền nợ theo hợp đồng đến thời điểm ngày 29/12/2023 là: **446.742.034 đồng** *(Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm ba mươi tư đồng*

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 1 Điều 85 Luật Thương mại quy định nghĩa vụ của bên khách hàng nhận cung ứng dịch vụ như sau: *"Thanh toán tiền cung ứng dịch vụ như đã thoả thuận trong hợp đồng".*

Tại Điều 6 của Hợp đồng số 072021, ngày 22/07/2021 các bên thỏa thuận: *Bên Công ty cổ phần SCI Điện Biên có trách nhiệm thanh toán cho bên Công ty Thủy điện Thác bà 65% giá trị còn lại của hợp đồng tương ứng với 546.742.034 đồng trong vòng 10 ngày và bên A nhận được các chứng từ…*

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có văn bản phản đối yêu cầu này của nguyên đơn. Tại bản tự khai ngày 26/5/2025 bị đơn có lời khai nhất trí trả nợ gốc theo hợp đồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng số 072021 là **446.742.034 đồng** *(Bằng chữ: Bốn trăm, bốn mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm ba mươi tư đồng)* là có cơ sở cần chấp nhận.

3.2. Xét việc yêu cầu thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng:

Nguyên đơn căn cứ vào quy định thỏa thuận tại Điều 10 của Hợp đồng dịch vụ số 072021 quy định " Nếu bên A (*Công ty cổ phần S, Điện Biên) vi phạm tiến độ thanh toán thì bên A sẽ chịu phạt 1% giá trị hợp đồng phần vi phạm cho mỗi ngày chậm. Tổng mức phạt không vượt quá 8% giá trị hợp đồng phần thanh toán chậm"*

Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận về việc phạt vi phạm hợp đồng theo Điều 10 của Hợp đồng dịch vụ số 072021 giữa hai công ty là phù hợp với quy định tại Điều 301 Luật Thương mại quy định: "*Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này".*

Do đó cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn cụ thể:

Ngày bên SCI có nghĩa vụ thanh toán theo quy định của Hợp đồng số 072021 là: 17/11/2022.

Số tiền bên SCI có nghĩa vụ thanh toán: 546.742.034 đ.

Số tiền phạt (tối đa 8%): 546.742.034 x 8% = **43.739.363 đ**. *(Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi ba đồng).*

3.3. Xét việc nguyên đơn yêu cầu thanh toán lãi chậm trả:

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm*

thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác ".

Căn cứ Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Như vậy, tuy trong Hợp đồng dịch vụ số 072021 *ký giữa hai công ty không thỏa thuận về lãi chậm trả, nhưng với các quy pháp luật trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả do chậm thanh toán nghĩa vụ. Xét hợp đồng dịch vụ số* 072021 *giữa các đương sự được xác định là hoạt động kinh doanh thông thường giữa các doanh nghiệp nên cần áp dụng mức lãi xuất nợ quá hạn đối với loại hình cho vay phục vụ hoạt động sản xuất, kinhh doanh thông thường mà các ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án. Cụ thể căn cứ vào*: Công văn số 182/CV ngày 30/5/2025 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Điện Biên về mức lãi xuất chậm trả trung bình mà ngân hàng Công thương áp dụng đối với cho vay sản xuất, kinh doanh thông thường là: 16,125%/năm. Công văn số 947/CV ngày 10/6/2025 của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Điện Biên về mức lãi xuất chậm trả trung bình áp dụng tại ngân hàng đối với cho vay thông thường là:12%/ năm và Công văn số 09/CV ngày 09/06/2025 của Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam về mức lãi xuất chậm trả trung bình ngân hàng áp dụng đối với cho vay hoạt động sản xuất kinh doanh là 13,125%/ năm. Hội đồng xác định mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba ngân hàng trên tại địa bàn tỉnh Điện Biên là (16,125% + 12%+ 13,125%): 3 = 13,75%/ năm để tính lãi suất chậm trả. Tuy nhiên, yêu cầu của nguyên đơn đưa ra mức lãi xuất chậm trả là 13,5% là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận mức lãi suất nợ quá hạn 13,5% để tính cho bị đơn, Cụ thể:

+ ***Giai đoạn 1***: từ ngày 17/11/2022 đến ngày 29/12/2023 (ngày bên SCI thanh toán 100.000.000 đồng):

Số tiền bên SCI có nghĩa vụ thanh toán: 546.742.034 đ.

Số ngày chậm thanh toán: 407 ngày.

Lãi suất để tính lãi chậm trả: 13,5%/năm

Số tiền chậm trả: 546.742.034 x 13,5%/365 x 407) = 82.303.400 đ.

+ ***Giai đoạn 2***: từ ngày 29/12/2023 (ngày bên SCI thanh toán 100.000.000 đồng) tạm tính đến ngày xét xử 16/7/2025:

Số tiền bên SCI có nghĩa vụ thanh toán: 446.742.034 đ.

Số ngày chậm thanh toán: 565 ngày.

Lãi suất để tính lãi chậm trả: 13,5%/năm.

446.742.034 x 13,5%/365 x 565) = 93.356.564đ

Tổng số tiền lãi chậm trả là: 175.660.246đ

Như vậy tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả theo Hợp đồng dịch vụ số 072021 là: tiền nợ gốc 446.742.034 đ + tiền phạt 43.739.363đ + 175.660.246đ tiền lãi chậm trả tính đến ngày 16/7/2025 là: 666.141.643 đ

[4] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc, tiền phạt, tiền lãi chậm trả theo Hợp đồng dịch vụ số 072021 được Tòa án chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử buộc:

+ Bị đơn phải chịu số tiền án phí giá ngạch như sau: 20.000.000đ + 4% của phần vượt quá 400,000,000đ. Cụ thể là 20.000.000đ + 4% x (666.141.643 – 400.000.000đ) = 30.645.666 đ.

+ Nguyên đơn được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 14.969.234 đồng đã nộp qua cổng thông tin dịch vụ công quốc gia cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên Đông (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2- Điện Biên), thể hiện qua giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 000003687327 ngày 09/4/2025.

[5] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Đã được sửa đổi bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025);

- Căn cứ khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 85, Điều 301 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty cổ phần T về yêu cầu Công ty cổ phần S, Điện Biên thanh toán nợ tiền hợp đồng dịch vụ số: 072021/HĐDV-ML1-TĐTB, ngày 22/07/2021.

Buộc Công ty cổ phần S, Điện Biên có nghĩa vụ trả ngay cho Công ty cổ phần T tổng số tiền 666.141.643 đ *(sáu trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi mốt nghìn, sáu trăm bốn mươi ba đồng*) khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong đó có các khoản như sau:

Tiền nợ gốc: **446.742.034 đồng** *(Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm ba mươi tư đồng*)

Tiền phạt: **43.739.363** đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi ba đồng*)

Tiền lãi chậm trả: **175.660.246** đồng *(một trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi sáu đồng)* tính đến ngày 16/7/2025.

2. Về án phí:

Công ty cổ phần S, Điện Biên phải chịu án phí giá ngạch kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 30.645.666 đ (Ba mươi triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Trả lại cho Công ty cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.969.234 (mười bốn triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi tư đồng) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 000003687327 ngày 09/4/2025.

3. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

Trong trường hợp bản án, được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2- Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga